

KẾ HOẠCH HỌC TẬP 45

Ngành: **Công nghệ thông tin** (Information Technology)

Mã ngành: 7480201

Chuyên ngành:

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4,5 năm

Danh hiệu: Kỹ sư

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1 – Năm thứ 1 (2019-2020)										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30				<i>SV học theo thời khóa biểu của Trường</i>
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30				
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65			
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10			
5	CT200	Nền tảng công nghệ thông tin	4	4		45	30			
6	CT100	Kỹ năng học đại học	2	2		20	20			
Cộng			14	14	0					
Học kỳ 2 – Năm thứ 1 (2019-2020)										
1	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương	2			30				
	KN001	Kỹ năng mềm	2			30				
	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
2	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
3	CT101	Lập trình căn bản A	4	4		30	60			
4	TN001	Vi – Tích phân A1	3	3		45	60			
5	TN012	Đại số tuyến tính & Hình học	4	4		60				
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				
	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				
Cộng			20	14	6					
Học kỳ 1 – Năm thứ 2 (2020-2021)										
1	CT172	Toán rời rạc	4	4		60				
2	CT173	Kiến trúc máy tính	3	3		45				
3	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
4	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30			
5	TN002	Vi – Tích phân A2	4	4		60				
6	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH024		
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
Cộng			17	13	4					
Học kỳ 2 – Năm thứ 2 (2020-2021)										
1	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
2	TC100	Giáo dục thể chất 2 (tiếp theo)	1		1		30			
3	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				
4	CT177	Cấu trúc dữ liệu	3	3		30	30	CT101		
5	CT178	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	CT173		
6	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024		
	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
7	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
Cộng			17	13	4					
Học kỳ 1 – Năm thứ 3 (2021-2022)										
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
2	TC100	Giáo dục thể chất 3 (tiếp theo)	1		1		30			
3	CT175	Lý thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT177		
4	CT174	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT177		
5	CT180	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT177		

6	CT112	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT178		
7	CT176	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT101		
Cộng			18	17	1					
Học kỳ 2 – Năm thứ 3 (2021-2022)										
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
2	CT296	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	3		30	30	CT180		
3	CT182	Ngôn ngữ mô hình hóa	3	3		30	30	CT176	CT180	
4	CT179	Quản trị hệ thống	3	3		30	30			
5	CT188	Nhập môn lập trình Web	3	3		30	30			
6	CT190	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2	2		30				
7	CT273	Giao diện người - máy	3	3		30	30			
Cộng			19	19	0					
Học kỳ 1 – Năm thứ 4 (2022-2023)										
1	CT271	Niên luận cơ sở - CNTT	3	3			90	CT174, CT176		
2	CT294	Máy học ứng dụng	3	3		30	30			
3	CT467	Quản trị dữ liệu	3	3		30	30	CT180		
4	CT293	Mạng và truyền thông dữ liệu	3	3		30	30	CT112		
5	CT275	Công nghệ Web	3	3		30	30	CT180		
6	CT300	Phát triển phần mềm	3	3		30	30	CT176		
Cộng			18	18	0					
Học kỳ 2 – Năm thứ 4 (2022-2023)										
1	CT223	Quản lý dự án phần mềm	3	3		30	30			
2	CT222	An toàn hệ thống	3	3		30	30			
3	CT211	An ninh mạng	3	CN1	Chọn 6 TC từ CN1 hoặc CN2 hoặc CN3	30	30			
4	CT297	Pháp y máy tính	3			30	30			
5	CT449	Phát triển ứng dụng Web	3	CN2		30	30			
6	CT484	Phát triển ứng dụngtrên thiết bị di động	3			30	30			
7	CT295	Nền tảng phần mềm nhúng và IoT	3	CN3		30	30			
8	CT279	Blockchain	3			30	30			
9	CT466	Niên luận - CNTT	3	3			90	≥80TC		
Cộng			15	9	6					
Học kỳ hè – Năm thứ										
	CT471	Thực tập thực tế - CNTT	3	3			60	≥120TC		
Cộng			3	3	0					
Học kỳ 1 – Năm thứ 5 (2023-2024)										
1	CT550	Luận văn tốt nghiệp – CNTT	15		15		450	≥120TC		
2	CT501	Tiểu luận tốt nghiệp – CNTT	6				180	≥120TC		
3	CT478	Trung tâm dữ liệu	3			30	30			
4	CT283	Hệ thống chịu lỗi	3			30	30			
5	CT233	Điện toán đám mây	3			30	30			
6	CT482	Xử lý dữ liệu lớn	3			30	30			
7	CT210	Thị giác máy tính	3			30	30			
8	CT219	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3			30	30			
9	CT312	Khai khoáng dữ liệu	3			30	30			
Cộng			15	0	15					
TỔNG CỘNG			156	120	36					

Đơn vị quản lý: Bộ môn Công nghệ thông tin, Khoa CNTT&TT.

TRƯỞNG KHOA

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm ...
TRƯỞNG BỘ MÔN

Chú ý: KHHT được sử dụng để kiểm tra sự hợp lý của CTĐT (khi thiết kế hoặc điều chỉnh CTĐT) và phát cho tân sinh viên (để nhập KHHT toàn khóa vào phần mềm quản lý trực tuyến ở đầu khóa học,...).